

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024 - 2025

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Nga bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2024 HỌC KỲ 1	RUS2080	Tiếng Nga 1A	3	6	QH.2024 HỌC KỲ 2	RUS2082	Tiếng Nga 2A	3	6
	RUS2081	Tiếng Nga 1B	3	6		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	6
	RUS2083	Tiếng Nga 2B	0	3		RUS2083	Tiếng Nga 2B (Tiếng Nga 2B SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
						INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
QH.2023 HỌC KỲ 3	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3	
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6	
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3	RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6	
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (Thực hành ngữ pháp tiếng Nga SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2	
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6	
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3	FLF1016	Địa chính trị	3	3	
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3	
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3	
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3	
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tính hoa	3	3					

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024 - 2025

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Nga bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2024 HỌC KỲ 1	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6	QH.2024 HỌC KỲ 2	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6		RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	0	3		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại (Tiếng Nga giao tiếp đương đại sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
QH.2023 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 4	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	RUS2091	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
	RUS2093	Viết luận đại học	3	6		RUS2092	Kỹ năng sử dụng tiếng Nga nâng cao	3	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6		RUS2094	Ngôn ngữ và truyền thông	3	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FLF1005	Tim hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		FLF1006	Tim hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3		FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Biên Phiên dịch

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2022 HỌC KÌ 5	RUS3034	Lý thuyết dịch	3	3	QH.2022 HỌC KÌ 6	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3030	Phiên dịch	3	3
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS3017	Biên dịch	3	3
	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3		RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
	RUS2089	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	3	6		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6			Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/ và HK 7)	6	6
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6			Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/ và HK 7)	9	9
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		RUS3048	Hướng dẫn du lịch	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
QH.2021 HỌC KÌ 7	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3	QH.2021 HỌC KÌ 8	RUS4001	Thực tập	3	3
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV.V	6	6
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6			Các học phần thay thế thi tốt nghiệp		
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3
	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	3		RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3					
	RUS2031	Đối chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	3					
	RUS2047	Văn học Nga 2 (Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối IV.1.2) ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)	3	3					
		Tự chọn chuyên sâu khối V.1.2.1	6	6					
	RUS3037	Dịch văn bản chuyên ngành	3	3					
	RUS3039	Dịch chuyên ngành 1	3	3					
	RUS3042	Dịch chuyên ngành 2	3	3					
	RUS3041	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2024 - 2025

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Du lịch

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2022 HỌC KÌ 5	RUS3043	Nhập môn khoa học du lịch	3	3	QH.2022 HỌC KÌ 6	RUS3030	Phiên dịch	3	3
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3017	Biên dịch	3	3
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3		RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
	RUS2089	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	3	6		RUS3048	Hướng dẫn du lịch	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3			Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	6	6
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3			Tự chọn khối V.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	9	9
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		RUS3045	Quản trị kinh doanh lý hành	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		RUS3046	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
QH.2021 HỌC KÌ 7	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3	QH.2021 HỌC KÌ 8	RUS4001	Thực tập	3	3
		Tự chọn khối V.2.2.1	6	6		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV,V	6	6
	RUS3033	Tiếng Nga du lịch nâng cao	3	3			Các học phần thay thế thi tốt nghiệp		
	RUS3019	Địa lý văn hóa du lịch	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối V.2.2.1 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)				RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3
		Tự chọn khối V.2.2.2	3	3					
	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3					
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6					
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3					
	RUS2030	Phương pháp học tiếng Nga	3	3					
	RUS3036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3					
	RUS2031	Đối chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	3					
	RUS2047	Văn học Nga 2	3	3					
	(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)								

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Việt Hùng

Hà Lê Kim Anh